

Bản án số: 03 /2018/KDTM-PT

Ngày: 05- 02 - 2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Dũ**.

- *Các Thẩm phán:* 1. Ông **Mai Thiện Kế**

2. Bà **Tăng Thị Thúy Nga**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trung An** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông **Nguyễn Minh Trí**– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2017/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 12 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST ngày 28/09/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐ-PT ngày 09/01/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng MX.

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn H – Chủ tịch Hội đồng quản trị QTD MX (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số XX đường T, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:*

1. Ông Lư Minh C, sinh năm 1957 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bà Trần Thị Thúy P, sinh năm 1960 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 32 đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Trần Thị H (chết).

2/ Ông Lư Quang L, sinh năm 1986 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

3/ Ông Lư Quang V, sinh năm 1982 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

4/ Ông Lư Quang K, sinh năm 1991(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

5/ Ông Lư Quang V, sinh năm 1984 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 32 đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lư Quang L, Lư Quang V, Lư Quang K, Lư Quang V: Luật sư Trần Việt H – Văn phòng luật sư Việt Hưng – Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Địa chỉ: Số LK, đường C, khu dân cư M, khóm m, phường b, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị Huệ:*

1/ Ông Lư Minh C, sinh năm 1957 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 32 đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2/ ông Lư Minh H, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Địa chỉ: Kế bên nhà số 131, đường số 12, C, phường C, quận N, Thành phố Cần Thơ.

3/ Bà Lư Minh N, sinh năm 1951 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 36 đường V, khóm n, phường b, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

5- Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị Thúy P, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lư Quang L, Lư Quang V, Lư Quang K, Lư Quang V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06/5/2015 và đơn yêu cầu về việc sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 12/8/2015, trong quá trình giải quyết vụ án và đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông Huỳnh Văn H trình bày: Ông Lư Minh C có ký hợp đồng tín dụng số 0643/11/HĐTD ngày 09/6/2011 vay của QTD MX số tiền 450.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 09/6/2011 đến ngày 09/6/2012), thỏa thuận lãi suất trong hạn là 2,00%/tháng, lãi suất quá hạn là 3,00%/tháng, mục đích vay để kinh doanh gia công cửa sắt – nhôm.

Để bảo đảm tiền vay, căn cứ vào Giấy cho đất - nhà - tài sản do bà Trần Thị H lập ngày 16/5/2006, ông Lư Minh C, bà Trần Thị Thúy P, bà Trần Thị H cùng ký hợp đồng thế chấp số 54/10/HĐTC ngày 28/01/2010. Đến ngày 09/6/2011 ông Lư Minh C, bà Trần Thị Thúy P ký phụ lục hợp đồng thế chấp số 55/11/PLHĐTC ngày 09/6/2011 thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất có diện tích 196,5m², tại thửa số xxx, tờ bản đồ số m, tọa lạc tại ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 062146 được UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 28/3/2002 do hộ bà Trần Thị H đứng tên và tài sản gắn liền trên đất là nhà trệt kiên cố giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 88/CN.UBH9³ ngày 29/3/1993 do bà Trần Thị H đứng tên.

Kể từ ngày vay tiền đến nay ông Lư Minh C không đóng lãi và không trả nợ gốc theo thỏa thuận ghi trên hợp đồng. Nên QTD MX yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lư Minh C và bà Trần Thị Thúy P phải liên đới trả cho QTD MX số tiền gốc là

450.000.000đ và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/9/2017 là 589.098.000đ (trong đó: Lãi trong hạn tính từ ngày 09/6/2011 đến ngày 19/5/2014 là 257.808.000đ và lãi quá hạn tạm tính từ ngày 20/5/2014 đến ngày 28/9/2017 là 331.290.000đ). Tổng cộng nợ gốc và lãi là 1.039.098.000đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi ông Lư Minh C và bà Trần Thị Thúy P trả hết nợ.

Trong trường hợp ông Lư Minh C và bà Trần Thị Thúy P không thực hiện việc trả nợ cho QTD thì QTD MX yêu cầu cơ quan chức năng kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất ở có diện tích 196,5m² (loại T), tại thửa số 244, tờ bản đồ số 17 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 062146 được UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 28/3/2002 do hộ bà Trần Thị H đứng tên và căn nhà kiên cố gắn liền trên đất tọa lạc tại số 32 (số cũ 30) đường L, ấp C, thị trấn M huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 88/CN.UBH9³ ngày 29/3/1993 do bà Trần Thị H đứng tên để thu hồi nợ.

- *Tại tờ trình ngày 24/05/2015 bị đơn ông Lư Minh C, bà Trần Thị Thúy P cùng trình bày ý kiến:* Ngày 07/6/2011, ông Lư Minh C có vay của QTD MX số tiền 450.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 0643/11/HĐTD để kinh doanh cơ sở gia công cửa nhôm – sắt. Do việc làm ăn thua lỗ nên từ ngày vay đến nay ông C mất khả năng trả nợ, nên ông C yêu cầu được gia hạn thời gian trả nợ thêm 12 tháng. Đồng thời yêu cầu Tòa án xem xét lại phần lãi suất, vì QTD MX tính lãi suất quá cao.

Đến ngày 13/7/2015, ông C nộp tờ trình yêu cầu Tòa án xem xét: Khi ông vay số tiền vốn 450.000.000đ của QTD do không có khả năng chi trả nên đến nay ông C vẫn chưa trả được tiền vốn vay và tiền lãi cho QTD. Việc QTD yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp: Ông C trình bày, khi vay ông có đưa ra các giấy tờ để bảo lãnh, thế chấp khoản tiền vay, bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 062146, tại thửa số 244, tờ bản đồ số 17, diện tích 196,5m² được UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 28/3/2002 cho hộ bà Trần Thị H đứng tên, vị trí đất tại ấp C, thị trấn M, huyện M và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 88/CN.UBH9³ do bà Trần Thị H đứng tên có căn nhà được xây dựng gắn liền với thửa đất số 244 nêu tại số 22 đường L, ấp C, thị trấn M, huyện M. Cùng với những giấy tờ trên, ông C còn giao cho QTD MX “Giấy cho đất – Nhà – tài sản” do mẹ ông là bà Trần Thị H ký tên cho tặng, có chứng nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Xuyên vào ngày 16/5/2006. Nhưng các con ông (Lư Quang V, Lư Quang L, Lư Quang V và Lư Quang K) phản đối vì Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên cấp quyền sử dụng đất cho hộ, do bà Trần Thị H đại diện đứng tên người sử dụng đất, nên cá nhân bà H không có toàn quyền quyết định tặng cho nếu như chưa có ý kiến đồng thuận của các con ông C, do vậy “Giấy cho đất – nhà – tài sản” ngày 16/5/2006 là không có cơ sở pháp lý.

- *Tại tờ trình ngày 21/9/2015, bị đơn, bà Trần Thúy P trình bày:* Bà chỉ liên quan ký các văn bản, giấy tờ liên quan đến hợp đồng tín dụng có tranh chấp chứ bà không phải là một bên tham gia vay vốn của QTD MX, nên việc Tòa án xác định bà là bị đơn trong vụ án là chưa phù hợp. Ngoài ra bà P yêu cầu xem xét lại cách tính lãi suất của QTD MX, vì mức lãi suất quá cao so với quy định của Ngân hàng Nhà nước tại từng thời điểm tính lãi suất cho vay.

- *Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 13/7/2015, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lư Quang V, Lư Quang V, Lư Quang L, Lư Quang K trình bày:* Thửa

đất số 244, tờ bản đồ số 17, diện tích 196,5m², có vị trí tại ấp C, thị trấn M, huyện M được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 062146 ngày 28/3/2002 do bà Trần Thị H đại diện đứng tên người sử dụng đất. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong hộ gia đình có 07 thành viên theo sổ hộ khẩu là bà Trần Thị H, Lư Minh C (con ruột bà H), Trần Thị Thúy P (con dâu bà H) và cháu nội bà H là Lư Quang V, Lư Quang V, Lư Quang L, Lư Quang K. Nên cá nhân bà H không có toàn quyền tặng cho ai nếu như chưa có ý kiến đồng thuận của các thành viên còn lại trong gia đình. Do vậy, “Giấy cho đất – nhà – tài sản” ngày 16/5/2006 là không có cơ sở pháp lý. Gắn liền thửa đất số 244 nêu trên có căn nhà trệt đã được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Xuyên cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 88/CN.UBNH cho bà Trần Thị H đứng tên. Nhưng nội dung giấy chứng nhận nhà ở có mâu thuẫn về số đo diện tích nhà – đất, cụ thể là tại mục II Giấy chứng nhận ghi: “Nhà trệt có diện tích: 139m²92”, còn “Diện tích đất xây dựng được sử dụng: 139m²” và “Diện tích đất xây dựng nhà: 139m²”. Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận nhà ở thì căn nhà do bà H đứng tên có vị trí tại số 22 đường L, ấp C, thị trấn M trong khi tại “Giấy cho đất – nhà – tài sản” ngày 16/5/2006 thì lại tặng cho căn nhà có vị trí tại số 30 đường Li, ấp C, thị trấn M. Như vậy, về mặt pháp lý căn nhà số 22 và căn nhà số 30 hoàn toàn khác nhau, nên việc tặng cho đó không đảm bảo tính pháp lý.

Từ những lý do trên, ông Lư Quang V, Lư Quang V, Lư Quang L, Lư Quang K yêu cầu Tòa án giải quyết:

- + Tuyên bố “Giấy cho đất – nhà – tài sản” ngày 16/5/2006 là vô hiệu toàn bộ;
- + Tuyên bố Điều 3 (về hình thức đảm bảo tiền vay) Hợp đồng tín dụng số 0643/11/HĐTD ngày 07/6/2011 là vô hiệu, vì trên thực tế không có tồn tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 0643/11/HĐTC ngày 07/6/2011 như Điều 3 Hợp đồng tín dụng số 0643/11/HĐTD đã đề cập.
- + Buộc QTD MX trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 062146 đối với thửa đất số 244, tờ bản đồ số 17, diện tích 196,5m², vị trí tại ấp C, thị trấn M, huyện M, được UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 28/3/2002 do hộ bà Trần Thị H đại diện đứng tên người sử dụng đất.

- *Tại đơn yêu cầu Tòa án công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vắng mặt ngày 10/3/2017, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị H là bà Lư Minh N trình bày: Bà yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, riêng bản thân bà Nguyệt không có yêu cầu.*

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị H là ông Lư Minh H: Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng ông H không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết về ý kiến của ông H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông H cũng không đến Toà án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, không đến tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm.*

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST ngày 28/09/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Khoản 2, khoản 6 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Áp dụng Điều 326, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010.

Áp dụng Điều 306 Luật thương mại.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của QTD MX.

2. Buộc Ông Lư Minh C và bà Trần Thị Thúy P có trách nhiệm liên đới trả cho QTD MX số tiền nợ gốc là 450.000.000đ, tiền nợ lãi 589.098.000đ. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 1.039.098.000đ (một tỷ không trăm ba mươi chín triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày 29/9/2017, ông Lư Minh C và bà Trần Thị Thúy P còn phải liên đới chịu lãi trên nợ gốc là 450.000.000đ theo lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hoàn tất nợ.

3. Trong trường hợp ông Lư Minh C và bà Trần Thị Thúy P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì QTD MX có quyền yêu cầu cơ quan chức năng phát mãi tài sản đã thế chấp là Quyền sử dụng đất ở có diện tích 196,5m² (loại T), tại thửa số 244, tờ bản đồ số 17 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 062146, số vào sổ 00084 được UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 28/3/2002 do hộ bà Trần Thị H đứng tên và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà kiên cố cùng tọa lạc tại số 32 (số cũ 22, 30) đường L, ấp C, thị trấn M huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 88/CN.UBH9³ ngày 29/3/1993 do bà Trần Thị H đứng tên để thu hồi nợ.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Lư Quang V, ông Lư Quang V, Lư Quang Lâm và ông Lư Quang K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Cùng ngày 24/10/2017 bị đơn bà Trần Thị Thúy P, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lư Quang L, Lư Quang V, Lư Quang K, Lư Quang V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST ngày 28/09/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng:

- Bị đơn bà Trần Thị Thúy P yêu cầu Tòa án giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bà P liên đới chịu trách nhiệm cùng với ông Lư Minh C trả tiền vốn vay và lãi suất cho QTD MX. Đồng thời đề nghị Tòa án tính lại mức lãi suất vay cho đúng quy định của Ngân hàng nhà nước tại từng thời điểm cho vay.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lư Quang L, ông Lư Quang V, ông Lư Quang V, ông Lư Quang K yêu cầu Tòa án giải quyết sửa bản án sơ thẩm

theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của các ông.

Tại phiên tòa hôm nay vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho ông L, ông V, ông K và ông V cho rằng: Giấy cho đất-nhà-tài sản ngày 16/5/2006 là vô hiệu toàn bộ. Vì bà H không có toàn quyền quyết định việc tặng cho này. Tuyên bố hợp đồng thế chấp để đảm bảo tiền vay số 0643/11/HĐTD ngày 07/6/2011 là vô hiệu. Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của những người có liên quan nêu trên.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp về kháng cáo của bị đơn Phụng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông L, ông V, ông K và ông V. Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm; Đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo của bị đơn Phụng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông L, ông V, ông K và ông V. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của những người kháng cáo nêu trên. Tuy nhiên, tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử không chấp nhận yêu cầu độc lập của các ông L, ông V, ông K và ông V nhưng chỉ buộc những người này liên đới chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 200.000 đồng là chưa đúng theo quy định của pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án. Cho nên, đề nghị cấp phúc thẩm sửa phần án phí sơ thẩm, buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập nêu trên mỗi người phải chịu 2.000.000đ. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, các bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông L, ông V, ông K và ông V có đơn xin xét xử vắng mặt. Vắng mặt ông Lư Minh H, bà Lư Minh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên theo thủ tục chung.

* Về nội dung vụ án:

[2] Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận bị đơn ông Lư Minh C có vay của QTD MX số tiền 450.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 0643/11/HĐTD ngày 09/6/2011 để kinh doanh cơ sở gia công cửa nhôm – sắt, để bảo đảm tiền vay ông C và vợ là bà Thúy Phụng có ký kết hợp đồng thế chấp số 54/10/HĐTC ngày 28/01/2010 và phụ lục hợp đồng thế chấp số 55/11/PLHĐTC ngày 09/6/2011 thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất có diện tích 196,5m², tại thửa số xxx, tờ bản đồ số m, tọa lạc tại ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 062146, số vào sổ 00084 được UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 28/3/2002 cấp cho hộ bà Trần Thị H và tài sản gắn liền trên đất là nhà trệt kiên cố theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 88/CN.UBH9³ ngày 29/3/1993 do bà Trần Thị H đứng tên.

[3] Từ khi vay đến nay ông C không đóng lãi và trả nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó việc nguyên đơn QTD MX khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả tiền vốn gốc và lãi là 1.039.098.000đ là có cơ sở.

[4] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông V, ông V, ông L, ông K có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án Tuyên bố “Giấy cho đất – nhà – tài sản” ngày 16/5/2006 là vô hiệu toàn bộ; Tuyên bố Điều 3 (về hình thức đảm bảo tiền vay) Hợp đồng tín dụng số 0643/11/HĐTD ngày 07/6/2011 là vô hiệu, vì trên thực tế không có tồn tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 0643/11/HĐTC ngày 07/6/2011 như Điều 3 Hợp đồng tín dụng số 0643/11/HĐTD đã đề cập.

[5] Tại các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: về nguồn gốc phần đất đã thế chấp là đất gốc được sử dụng từ trước 1975 đến nay thời điểm đó ông C cũng chưa đủ 18 tuổi và các con ông C cũng chưa ra đời. Bên cạnh đó tại hồ sơ kỹ thuật thửa đất và tờ khai đóng trước bạ đối với thửa đất nêu trên ghi nhận tên cá nhân có tài sản trước bạ chỉ có một mình bà Trần Thị H. Cũng tại giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở số 88/CNUBH9³ cũng chỉ thể hiện bà Trần Thị H đứng tên căn nhà gắn liền với thửa đất 244, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng do đó bà H có toàn quyền quyết định tặng cho tài sản mà bà đứng tên theo quy định tại Điều 17 pháp lệnh nhà ở ngày 26/3/1991.

[6] Tại “Giấy cho đất – nhà – tài sản” ngày 16/5/2006 đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Xuyên chứng thực là đủ điều kiện theo khoản 1 Điều 467 Bộ Luật dân sự 2005. Cũng tại điểm đ khoản 1 Điều 43 Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 quy: Giấy tờ tạo lập nhà ở được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở khi cá nhân trong nước có nhà ở được tạo lập từ trước ngày Luật nhà ở có hiệu lực thi hành, khi đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở phải có.....“Giấy tờ về mua bán, nhận tặng cho ...nhà ở đã có chứng nhận của công chứng hoặc chứng thực của UBND từ cấp xã trở lên”. Đồng thời theo quy định tại khoản 2 Điều 63 của Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06/9/2006 cũng quy định “Thời điểm chuyển quyền sở hữu nhà ở đối với trường hợp tặng cho nhà ở tính từ ngày hợp đồng tặng cho nhà ở được công chứng hoặc chứng thực”. Do vậy giao dịch dân sự về việc tặng cho tài sản giữa bà H và vợ chồng bị đơn ông C đã được xác lập.

[7] Mặt khác, bà H đã làm thủ tục cho các tài sản thế chấp nêu trên cho bị đơn ông C và bà P từ năm 2006 nhưng từ đó đến khi phát sinh tranh chấp thì các con của ông C là ông L, ông V, ông K, ông V ở chung nhà đều biết nhưng không phản đối, ngăn cản hay khiếu nại. Do đó, ông C và bà P thuộc đối tượng được công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu căn nhà số 22 (theo giấy chứng nhận nhà ở do bà H đứng tên), sau đổi số nhà 30 (theo giấy cho đất-nhà-tài sản do bà H lập) và hiện nay là căn nhà số 32 gắn liền trên thửa đất số 244, tờ bản đồ số 17 theo “Giấy cho đất – nhà – tài sản” ngày 16/5/2006 do bà H lập.

[8] Cho nên ông C, bà P có quyền thế chấp các tài sản mà ông bà được tặng cho vì vậy hợp đồng tín dụng số 0643/11/HĐTD ngày 07/6/2011 là đúng quy định, tuy có nhầm lẫn về số hợp đồng thế chấp nhưng tất cả các hợp đồng đều thể hiện tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa số xxx, tờ bản đồ số m, tọa lạc tại ấp C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 062146 được

UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 28/3/2002 và tài sản gắn liền trên đất là nhà trệt kiên cố giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 88/CN.UBH9³ ngày 29/3/1993 là bảo đảm cho hợp đồng tín dụng số 0643/11/HĐTD đã được các bên ký kết là phù hợp, không có mâu thuẫn.

[9] Do vậy việc ông L, ông K, ông V, ông V yêu cầu Buộc QTD MX trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 062146 đối với thửa đất số 244, tờ bản đồ số 17, diện tích 196,5m², vị trí tại ấp C, thị trấn M, huyện M, được UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 28/3/2002 do hộ bà Trần Thị H đại diện đứng tên người sử dụng đất là không có cơ sở.

[10] Từ nhận định trên, nhận thấy toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông L, ông K, ông V, ông V là không có căn cứ, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Lư Minh C và bà Trần Thị Thúy P phải liên đới trả cho QTD MX số tiền gốc là 450.000.000đ và tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 28/9/2017 là 589.098.000đ (trong đó: Lãi trong hạn tính từ ngày 09/6/2011 đến ngày 19/5/2014 là 257.808.000đ và lãi quá hạn tạm tính từ ngày 20/5/2014 đến ngày 28/9/2017 là 331.290.000đ). Tổng cộng nợ gốc và lãi là 1.039.098.000đ và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi ông Lư Minh C và bà Trần Thị Thúy P trả hết nợ. Trong trường hợp ông C và bà P không thực hiện việc trả nợ cho QTD thì QTD MX yêu cầu cơ quan chức năng kê biên, phát mãi tài sản thế chấp nêu trên. Đồng thời không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của những người liên quan ông L, ông K, ông V, ông V là có căn cứ, đúng pháp luật.

[11] Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông C và tại đơn kháng cáo bị đơn bà P đều có yêu cầu xem xét lại phần lãi suất, vì QTD MX tính lãi suất quá cao. Nhận thấy, về lãi suất các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 2% và lãi suất quá hạn là 150%, thời điểm ký kết hợp đồng vào ngày 7/6/2011 các bị đơn ông C và bà P có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và nhận thức rõ quyền và nghĩa vụ của mình, đồng ý, tự nguyện ký kết các văn bản nêu trên là phù hợp với quy định tại các Điều 11 và điểm c khoản 2 Điều 24 của Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận. Vì vậy, các bị đơn yêu cầu xem xét lại phần lãi suất là không có căn cứ.

[12] Ngoài ra bị đơn bà Trần Thị Thúy P còn kháng cáo theo hướng không buộc bà chịu trách nhiệm liên đới về việc cùng chồng bà là ông Lư Minh C trả tiền vốn và lãi suất cho nguyên đơn. Nhận thấy, mục đích vay vốn là để ông C gia công cửa sắt-nhôm, thực hiện phương án kinh doanh phát triển kinh tế gia đình. Đồng thời bà P là vợ ông C cùng ký tên vào các văn bản thủ tục vay vốn. Mặc khác, theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định trách nhiệm liên đới của vợ chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện, nên ông C và bà P có trách nhiệm liên đới phát sinh từ giao dịch vay vốn nêu trên. Do vậy, kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thúy P không được hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Xét kháng cáo của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lư Quang V, ông Lư Quang V, ông Lư Quang L, ông Lư Quang K về việc yêu cầu Tòa án

cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của các ông. Như đã nhận định ở phần trên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, đúng pháp luật, nên kháng cáo của ông L, ông K, ông V, ông V là không có cơ sở.

[14] Tại bản án sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST ngày 28/09/2017, ở phần nhận định Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa ra những cơ sở pháp lý, từ đó kết luận không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông L, ông K, ông V, ông V. Tuy nhiên, đến phần tuyên xử không thể hiện điều này là thiếu sót. Sau đó cấp sơ thẩm đã đính chính thiếu sót này, đồng thời việc thiếu sót này cũng không làm ảnh hưởng đến bản chất vụ án. Do đó cấp phúc thẩm nêu lên để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[15] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thúy P và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lư Quang V, Lư Quang V, Lư Quang L, Lư Quang K là không có cơ sở chấp nhận. Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Phượng và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông L, ông V, ông K và ông V. Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Về án phí: Do vụ án được thụ lý sơ thẩm trước ngày 01/01/2017 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, các quyết định về án phí được thực hiện theo Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009. Để xác định vợ chồng ông Lư Minh C và bà Trần Thị Thúy P phải liên đới chịu tiền án phí sơ thẩm là đúng với quy định của pháp luật.

[17] Tại đơn xin xét xử vắng mặt của ông Lư Minh C đề ngày 29/01/2018, ông C có nêu ông là người trên 60 tuổi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét miễn án phí cho ông.

[18] Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 nghị quyết 326/UBTVQH14 quy định “Người đề nghị được miễn, giảm tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, án phí, lệ phí Tòa án thuộc trường hợp quy định tại Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết này **phải có đơn** đề nghị nộp cho Tòa án có thẩm quyền kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn, giảm”. Do đó, mặc dù ông C là người cao tuổi nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lư Minh C không có đơn yêu cầu Tòa án miễn, giảm án phí, ông C cũng không có đơn kháng cáo xin miễn, giảm án phí và tại phiên tòa hôm nay ông C cũng không có đơn yêu cầu được miễn án phí. Cho nên Tòa án không có cơ sở để xem xét cho ông.

[19] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, cho nên bị đơn bà Trần Thị Thúy P và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lư Quang V, Lư Quang V, Lư Quang L, Lư Quang K mỗi người phải chịu 2.000.000 đồng.

[20] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết 326/UBTVQH14.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thúy P, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lư Quang V, Lư Quang V, Lư Quang L, Lư Quang K.

Sửa bản án sơ thẩm số 05/2017/KDTM-ST ngày 28/09/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Khoản 2, khoản 6 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Áp dụng Điều 326, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010.

Áp dụng Điều 306 Luật thương mại.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của QTD MX.

2. Buộc Ông Lư Minh C và bà Trần Thị Thúy P có trách nhiệm liên đới trả cho QTD MX số tiền nợ gốc là 450.000.000đ, tiền nợ lãi 589.098.000đ. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 1.039.098.000đ (một tỷ không trăm ba mươi chín triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày 29/9/2017, ông Lư Minh C và bà Trần Thị Thúy P còn phải liên đới chịu lãi trên nợ gốc là 450.000.000đ theo lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả hoàn tất nợ.

3. Trong trường hợp ông Lư Minh C và bà Trần Thị Thúy P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì QTD MX có quyền yêu cầu cơ quan chức năng phát mãi tài sản đã thế chấp là Quyền sử dụng đất ở có diện tích 196,5m² (loại T), tại thửa số 244, tờ bản đồ số 17 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 062146, số vào sổ 00084 được UBND huyện Mỹ Xuyên cấp ngày 28/3/2002 do hộ bà Trần Thị H đứng tên và tài sản gắn liền trên đất là căn nhà kiên cố cùng tọa lạc tại số 32 (số cũ 22, 30) đường L, ấp C, thị trấn M huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 88/CN.UBH9³ ngày 29/3/1993 do bà Trần Thị H đứng tên để thu hồi nợ.

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Lư Quang V, ông Lư Quang V, Lư Quang Lâm và ông Lư Quang K.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: ông Lư Minh C và bà Trần Thị Thúy P liên đới phải chịu 43.172.940 đ. QTD MX được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 18.034.620đ, theo biên lai thu tiền số 006401, ngày 13/5/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

- Ông Lư Quang V, Lư Quang K, Lư Quang L, Lư Quang V mỗi người phải chịu 2.000.000đ án phí sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà các ông đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 006475 ngày 16/7/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Như vậy Ông V, ông L, ông V và ông K còn phải liên đới nộp thêm số tiền 7.800.000 đồng

- Án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn bà Trần Thị Thúy P phải chịu 2.000.000đ. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lư Quang V, Lư Quang V, Lư Quang L, Lư Quang K mỗi người phải chịu 2.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng mỗi biên lai thu 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0008798 ngày 03/11/2017 (bà P nộp) và số 0008799 ngày 03/11/2017 (ông V, ông L, ông V, ông K - thể hiện ông Lâm nộp), biên lai số 0008840 (ông V nộp), biên lai số 0008841 (ông Vinh nộp), biên lai số 0008839 (ông Khởi nộp) cùng ngày 23/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà P còn phải nộp thêm 1.700.000 đồng; ông V, ông L, ông V, ông K mỗi người phải nộp thêm 1.700.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hiệu lực Bản án phúc thẩm: Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu HS (TDS).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Nguyễn Văn Dũ